

Số: 12 /2022/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày 29 tháng 3 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số 811/TTr-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của HĐND tỉnh ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 72/BC-HĐND ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 2 như sau:

“1. Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng

a) Cán bộ, công chức (*kể cả công chức thực hiện chế độ tập sự*) trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội ở cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố (*sau đây gọi chung là cán bộ, công chức*).

b) Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập.”

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Chi hỗ trợ chi phí đi lại từ nơi đăng ký thường trú đến nơi học tập (*một lượt đi và về; nghỉ lễ, nghỉ tết*) nếu tự túc bằng phương tiện cá nhân: Mức chi theo điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lai Châu (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND*) hoặc theo giá vé phương tiện vận chuyển công cộng.”

b) Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Chi hỗ trợ thuê chỗ nghỉ cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo có khoảng cách từ 10 km trở lên được tính theo khoảng cách từ nơi đăng ký thường trú đến cơ sở đào tạo (*trong trường hợp cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ hoặc bố trí chỗ nghỉ nhưng thu tiền*).

a) Trong tỉnh: 50.000 đồng/ngày/người.

b) Ngoài tỉnh: 80.000 đồng/ngày/người.

Các mức chi còn lại thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (*sau đây gọi tắt là Thông tư số 36/2018/TT-BTC*).”

c) Bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Chi hỗ trợ một phần tiền ăn và hỗ trợ thuê chỗ nghỉ cho cán bộ chủ chốt cấp xã (*Bí thư, Phó Bí thư cấp ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân*) được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo trình độ chuyên môn đại học trở lên, trình độ lý luận chính trị, trình độ quản lý nhà nước (*Chi hỗ trợ cho cán bộ trong thời gian đi học tập trung tại cơ sở đào tạo và có khoảng cách từ 10 km trở lên được tính theo khoảng cách từ nơi đăng ký thường trú đến cơ sở đào tạo*):

a) Tiền ăn: 1.200.000 đồng/tháng/người.

b) Thuê chỗ nghỉ (trong trường hợp cơ sở đào tạo hoặc đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ hoặc bố trí chỗ nghỉ nhưng thu tiền):

- Mức thuê ngoài tỉnh và tại thành phố Lai Châu: 1.000.000 đồng/tháng/người.

- Mức thuê trên địa bàn các huyện còn lại: 800.000 đồng/tháng/người.

c) Thời gian hưởng: Tính theo số tháng thực học, trường hợp có thời gian học dưới 15 ngày/tháng thì được tính bằng 1/2 tháng (một phần hai tháng), nếu có thời gian học từ 15 ngày trở lên thì được tính bằng 01 tháng.”

3. Sửa đổi khoản 6 Điều 4 như sau:

“6. Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên trong thời gian đi học tập; chi hỗ trợ chi phí đi lại từ nơi đăng ký thường trú đến cơ sở đào tạo (một lượt đi và về; nghỉ lễ, nghỉ tết); chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho học viên trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở bồi dưỡng (trong trường hợp cơ sở bồi dưỡng và đơn vị tổ chức bồi dưỡng xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ hoặc bố trí chỗ nghỉ nhưng thu tiền): Điều kiện và mức chi thực hiện theo khoản 2, 3, 4 Điều 3 của Quy định này.”

4. Sửa đổi Điều 7 như sau:

“Điều 7. Hỗ trợ bác sỹ chuyên khoa II, bác sỹ chuyên khoa I sau tốt nghiệp

Bác sỹ được cơ quan có thẩm quyền cử đi đào tạo bác sỹ chuyên khoa II, bác sỹ chuyên khoa I được hỗ trợ sau khi được cấp bằng tốt nghiệp, cụ thể:

a) Bác sỹ chuyên khoa II: 100.000.000 đồng.

b) Bác sỹ chuyên khoa I: 80.000.000 đồng.

Trường hợp bác sỹ thuộc đối tượng được hưởng nhiều chính sách về đào tạo cùng lúc thì chỉ được hưởng một chính sách cao nhất hoặc đã được hưởng chính sách về đào tạo theo Đề án, Dự án nhưng thấp hơn mức chi quy định tại Nghị quyết này, thì được hỗ trợ thêm bằng mức quy định tại Nghị quyết này”.

5. Sửa đổi một số khoản của Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Hỗ trợ đi lại: Được tính theo khoảng cách từ nơi đăng ký thường trú đến cơ quan, đơn vị luân chuyển đến, cụ thể:

a) Từ 10 km đến dưới 15 km: 200.000 đồng/người/tháng.

b) Từ 15 km đến dưới 50 km: 400.000 đồng/người/tháng.

c) Từ 50 km đến dưới 80 km: 500.000 đồng/người/tháng.

d) Từ 80 km đến dưới 110 km: 600.000 đồng/người/tháng.

đ) Từ 110 km đến dưới 140 km: 700.000 đồng/người/tháng.

e) Từ 140 km trở lên: 900.000 đồng/người/tháng.”

b) Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Hỗ trợ sinh hoạt phí cho cán bộ luân chuyển có khoảng cách từ nơi đăng ký thường trú đến cơ quan, đơn vị luân chuyển đến từ 10 km trở lên mức hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Luân chuyển đến tỉnh và đến huyện: 1.200.000 đồng/người/tháng.

b) Luân chuyển đến xã: 1.000.000 đồng/người/tháng.”

6. Sửa đổi thời gian hỗ trợ quy định tại Điều 10 như sau: Chế độ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 9 của Quy định này được hưởng trong suốt thời gian luân chuyển nhưng không quá 60 tháng kể từ ngày được luân chuyển.

7. Điều khoản chuyển tiếp

Các chính sách sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết này được thực hiện từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành. Các trường hợp luân chuyển đã được hưởng chính sách theo Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND đang trong thời gian luân chuyển thì tiếp tục được hưởng chính sách theo Nghị quyết này đến khi hết thời gian luân chuyển nhưng không quá 60 tháng kể từ ngày được luân chuyển.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XV kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Giàng Páo Mỹ